TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 27-5-2020
V/v tranh chấp HNGĐ xin ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Tám

2. Ông Dương Văn Lũy

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tâm Nhân là thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020, về: "Tranh chấp hôn nhân- gia đình, xin ly hôn và nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1986, hộ khẩu thường trú ấp H, xã L, huyện T, tỉnh An Giang, tạm trú và sinh sống tại nhà cha, mẹ ruột ấp M, xã P, huyện C, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn V, sinh năm 1985, cư trú ấp H, xã L, huyện T, tỉnh An Giang.

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn (bút lục số 03) và bản tự khai (bút lục số 10) thì chị Nguyễn Thị M trình bày:

- Chị với anh V thành vợ chồng vào năm 2008, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 148, ngày 15-12-2008 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện T cấp.

- Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do anh V đi làm ăn xa có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhưng anh vẫn tiếp tục quan hệ, từ đó không còn hạnh phúc và ly thân từ năm 2012 đến nay.

- Con chung có 01 đứa tên Phạm Nguyễn Tú Ng, sinh ngày 03-5-2009 đang sống với chị.

Tài sản; nợ phải thu và phải trả: Không có.

Yêu cầu:

- Về hôn nhân: Xin ly hôn với anh V.

- Về con chung: Được tiếp tục nuôi, không yêu cầu anh V cấp dưỡng.

- Về tài sản; nợ phải thu và phải trả: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai (bút lục số 09) thì anh Phạm Văn V khai:

- Anh với chị M thành vợ chồng vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T.

- Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn từ năm 2012 đến nay, do tính tình không phù hợp, thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm, sống không hạnh phúc và ly thân kể từ đó.

- Con chung có 01 đứa tên Phạm Nguyễn Tú Ng, sinh ngày 03-5-2009 đang sống với chị M.

- Tài sản; nợ phải thu và phải trả: Không có.

Yêu cầu:

- Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Đồng ý cho chị M được tiếp tục nuôi con, anh không phải cấp dưỡng.

- Vê tài sản; nợ phải thu và phải trả: Không có, không yêu cầu Tà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về hình thức, thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị M và Anh V có đơn yêu cầu vắng mặt về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vì vậy đã lập các biên bản không tiến hành được phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (Bút lục các số 14 và 15).

[1.2] Chị M và anh V có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt (bút lục các số 14 và 15), vì vậy HĐXX căn cứ khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh, chị.

[2] Về nội dung:

[2.1] Hôn nhân giữa chị M với anh V có đăng ký kết hôn vào năm 2008 (bút lục số 01), đây là hôn nhân hợp pháp được luật pháp bảo vệ và giải quyết khi có mâu thuẩn xãy ra.

- Về nguyên nhân ly thân: chị M cho rằng do anh V đi làm ăn xa có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, vợ chồng thường xuyên cự cải nhưng anh vẫn tiếp tục quan hệ, từ đó không còn hạnh phúc, và ly thân từ năm 2012 đến nay. Anh V cho rằng do tính tình không phù hợp, thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm, sống không hạnh phúc và ly thân kể từ năm 2012. HĐXX xét thấy, nếu hòa giải được thì đã lập biên bản và ra quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn, nhưng do anh, chị đều vắng mặt và theo bản tự khai thì cả hai đều đồng ý ly hôn, điều đó cho thấy hạnh phúc của gia đình anh, chị thật sự không còn, vì vậy chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M theo khoản 1 điều 51 và khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân- gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị M và anh V thống nhất có con chung tên Phạm Nguyễn Tú Ng, sinh ngày 03/5/2009 đang sống với chị M. Anh V đồng ý cho chị M được tiếp tục nuôi. Chị M tự nguyện không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con (bút lục số 10).

[2.3] Về quan hệ tài sản, nợ phải thu: Anh, chị thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết (bút lục các số 09 và 10), vì vậy HĐXX không xem xét.

[2.4] Về nợ phải trả: anh, chị thống nhất khai không có (bút lục các số 09 và 10), vì vậy HĐXX ghi nhận, nhưng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[2.5] Về án phí DSST: Chị M phải chịu án phí về việc xin ly hôn theo quy đinh tại khoản 4, điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5, điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1, điều 51; khoản 1 điều 56; các khoản 1, 3 điều 82 và điều 83 Luật hôn nhân – gia đình;

- Khoản 4, điều 147; khoản 1, điều 228; các điều 271; 273; 278 và khoản 1, điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điểm a, khoản 5, điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

- Chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Phạm Văn V.

Giấy chứng nhận kết hôn số 148, ngày 15-12-2008 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện T không còn giá trị pháp lý.

- Chị Nguyễn Thị M được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đứa con tên Phạm Nguyễn Tú Ng, sinh ngày 03-5-2009. không người nào được quyền ngăn cản mà phải tạo điều kiện thuận lợi khi anh V đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Công nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng cho con. Việc nuôi con và mức cấp dưỡng cho con chưa thành niên không cố định.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị M phải chịu án phí về việc xin ly hôn là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng chẵn), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng chẵn), theo biên lai thu số 0006520 ngày 20-02-2020 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Chị M không phải nộp tiếp.

Chị M và anh V có quyền kháng cáo thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Ủy ban nhân dân xã L;
- Lưu: Văn thư, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Dũng